



VNU Journal of Science: Education Research

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/ER>



Original Article

# The Attitude Towards the Subject of History in General Education in Vietnam from the Student's Perspective

Dao Thi Tuyet Nhung\*

*VNU University of Languages and International Studies,  
2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 02 January 2024

Revised 08 January 2024; Accepted 09 January 2024

**Abstract:** This paper focuses on studying attitudes toward learning History at general education from the perspective of student groups. Through a questionnaire survey with both closed and open ended questions, research results show that factors include subject characteristics, teaching methods, influence from parents, influence from friends, occupations related to the field of history, negative feelings about the subject, and personal characteristics of the learners all impact learning attitudes toward History subject. In addition, the proposal of game-based learning is also drawn from the results of open ended questions, to help improve the quality of learning History subject.

**Keywords:** History, learning attitude, innovation, education, general education.

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [tuyetnhung@vnu.edu.vn](mailto:tuyetnhung@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4884>

# Thái độ học tập môn Lịch sử ở giáo dục phổ thông tại Việt Nam từ góc nhìn của sinh viên

Đào Thị Tuyết Nhung\*

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 02 tháng 01 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 08 tháng 01 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 09 tháng 01 năm 2024

**Tóm tắt:** Bài viết này tập trung nghiên cứu thái độ học tập môn Lịch sử ở các cấp học phổ thông từ quan điểm của nhóm đối tượng sinh viên. Thông qua điều tra khảo sát bằng bảng hỏi với cả các câu hỏi đóng và câu hỏi mở, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các nhân tố gồm đặc điểm môn học, phương pháp giảng dạy, tác động từ bố mẹ, ảnh hưởng từ bạn bè, nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực lịch sử, cảm nhận tiêu cực về môn học và đặc điểm cá nhân của người học đều tác động đến thái độ học tập đối với môn lịch sử. Bên cạnh đó đề xuất kết hợp môn học Lịch sử với trò chơi cũng được rút ra từ kết quả của câu hỏi mở, nhằm giúp nâng cao chất lượng học tập môn Lịch sử.

**Từ khóa:** Lịch sử, thái độ học tập, đổi mới, giáo dục, giáo dục phổ thông.

## 1. Đặt vấn đề

Thái độ học tập một môn học tác động rất lớn đến hiệu quả của môn học đó. Nếu thái độ học không tốt, có thể khiến cho người học trở nên chán nản và bỏ bê môn học. Lịch sử là một môn học quan trọng trong hệ thống giáo dục của bất cứ một quốc gia nào. Môn học Lịch sử giúp chúng ta hiểu được về lịch sử được nguồn cội của con người, tổ tiên, và dân tộc mình. Học lịch sử để hiểu rằng những gì chúng ta đang có đều do lịch sử tạo thành và nó giúp chúng ta trân quý tất cả, biết vươn lên và phát triển xã hội tốt đẹp hơn nữa. Tuy nhiên, thực tế tại Việt Nam cho thấy không có nhiều học sinh có hứng thú khi học môn học Lịch sử. Bài báo này cũng đã chỉ ra thực trạng học Lịch sử là chưa thực sự hiệu quả, môn học còn nhiều hạn chế để tiếp cận người học như phương pháp chưa thực tế, thiếu hình ảnh trực quan sinh động, người dạy còn phụ thuộc quá nhiều vào sách giáo khoa khô khan, cứng nhắc, thiên về liệt kê sự kiện, điều đó dẫn tới kết quả là học sinh chưa thực sự

yêu thích môn học Lịch sử và cảm thấy đây là một môn học nhàm chán, những kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Issar [1]. Kết quả là hiệu quả học tập môn Lịch sử không cao, nhiều học sinh học xong vẫn không nắm vững được lịch sử của chính đất nước mình và nguồn cội của mình. Ngoài tác động liên quan đến phương pháp tiếp cận môn học, thì một vấn đề lớn nữa là tác động liên quan đến sự tồn tại rất lâu trong suy nghĩ từ chính phụ huynh, đó là tâm lý chọn ngành, đa phần bố mẹ đều mong muốn cho con theo học các ngành thiên về lĩnh vực tự nhiên, kỹ thuật, với suy nghĩ đây là những ngành mang lại cơ hội việc làm cũng như thu nhập tốt hơn [2].

Bài nghiên cứu này đi sâu vào phân tích các nhân tố tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử, các lý do và nguyên nhân dẫn tới việc thích học và không thích học môn học này. Để từ đó tìm ra các giải pháp hữu ích giúp đổi mới, nâng cao hiệu quả môn học.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

### 2.1. Thái độ học tập

Thái độ học tập không chỉ ảnh hưởng đến khả năng học của học sinh mà còn có tác động

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tuyetnhung@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4884>

sâu sắc đến trải nghiệm học tập toàn diện của họ. Trong môi trường giáo dục phổ thông tại Việt Nam, môn Lịch sử đặt ra những thách thức đặc biệt đối với cả người dạy và người học, đòi hỏi sự tập trung, và hiểu biết về thế giới xung quanh. Theo Mazana và cộng sự [3], cấu trúc thái độ có thể được phản ánh dựa trên ba khía cạnh là cảm xúc, niềm tin và quan điểm của người học về nội dung học. Thái độ tích cực của học sinh không chỉ là dấu hiệu của sự hứng thú và cam kết trong việc học mà còn là nguồn động lực quan trọng trong cuộc sống theo quan điểm của Mazana và các cộng sự [3]. Cũng theo Mazana và các cộng sự [3] và Wenden [4], tình cảm, nhận thức và hành vi đều đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng thái độ tích cực. Theo Wenden [4] thành phần nhận thức bao gồm các niềm tin, ý kiến hoặc quan điểm về đối tượng của thái độ. Thành phần cảm xúc hay tình cảm liên quan đến cảm giác và cảm xúc mà một người có đối với đối tượng, "thích" hoặc "không thích", "ủng hộ" hoặc "phản đối". Và thành phần cuối cùng là thành phần hành vi, liên quan đến hành động hoặc ý định hành vi của một người đối với đối tượng. Đối với giáo viên, khả năng nhận biết thái độ của học sinh là một kỹ năng quan trọng. Sự nhạy bén trong việc đánh giá thái độ giúp giáo viên hiểu rõ hơn về nhu cầu, đam mê và mức độ tự tin của học sinh. Điều này có thể giúp họ tối ưu hóa phương pháp giảng dạy và tạo ra môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự sáng tạo và tò mò từ phía học sinh. Thái độ liên quan đến xu hướng phản ứng tích cực hoặc tiêu cực của học sinh đối với nội dung học, tình huống, khái niệm hoặc đồng học [5].

Thái độ ở đây được hiểu là thái độ của cá nhân người học khi học tập môn học. Thái độ này có thể là tích cực hoặc tiêu cực. Và thực tế thái độ có thể thay đổi và phát triển theo thời gian [6]; và khi một thái độ tích cực được hình thành, nó có thể tăng cường quá trình học của học sinh [7]. Ngược lại, thái độ học tập tiêu cực có thể làm trở ngại cho quá trình học và ảnh hưởng đến kết quả học tập [8]. Do đó, thái độ học tập là một yếu tố cực kỳ quan trọng mà giáo viên không nên bỏ qua khi quan sát học sinh [3]. Giáo viên có cơ hội hỗ trợ học sinh

xây dựng thái độ học tích cực bằng cách khuyến khích tinh thần khám phá, đặt câu hỏi kích lệ và tạo ra môi trường học tập đa dạng và hấp dẫn. Các nhân tố được cho là có tác động đến thái độ học tập được nhắc tới ở các nghiên cứu trước đó như sở thích, công việc, tầm quan trọng, người dạy, sự khó khăn, các phương tiện trang thiết bị giảng dạy [9], hay các nhân tố như công cụ hỗ trợ, môi trường tâm lý xã hội [3].

Theo tác giả Chi [10] đã chỉ ra rằng thái độ học tập môn Lịch sử của học sinh có thể thể hiện qua ba khía cạnh bao gồm nhận thức, cảm xúc và hành vi. Nghiên cứu của tác giả đã làm nổi bật rằng thái độ này không chỉ phụ thuộc vào một yếu tố duy nhất, mà nó bị ảnh hưởng bởi một loạt các yếu tố như nội dung của chương trình học, cách giảng dạy của giáo viên, động lực học tập, thói quen và khả năng tự học của học sinh đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và thay đổi thái độ học tập.

## 2.2. Thực trạng học tập môn Lịch sử

Schug [11] đã thực hiện một nghiên cứu để xem xét mức độ yêu thích các môn học của học sinh từ lớp 6 đến lớp 12, kết quả cho thấy nhóm môn khoa học xã hội là nhóm được ít yêu thích nhất, và sự lựa chọn này cũng chịu nhiều tác động bởi yếu tố lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Một nghiên cứu gần đây của Ahmad và Maryam [12], khi xem xét thái độ học của học sinh với các môn khoa học xã hội, các tác giả cũng đã tìm ra kết quả tương tự khi các em có xu hướng thích học môn khoa học tự nhiên hơn các môn khoa học xã hội, vì cho rằng các môn khoa học tự nhiên hấp dẫn và thú vị hơn. Amengor [13] cũng chỉ ra rằng học sinh phổ thông dường như không có ấn tượng tốt về môn học lịch sử và nhận thức về nó còn mang tính tiêu cực. Phân tích sâu hơn, Amengor [13] cũng phát hiện ra rằng tâm lý học sinh còn cho rằng môn học Lịch sử là một môn học không đem lại lợi ích và quá buồn tẻ. Sự buồn tẻ còn được thể hiện trong nghiên cứu của Obeidat và cộng sự [14]. Obeidat và cộng sự [14] đã nhận thấy học sinh không thích học môn học Lịch sử vì nó không nhiều tương tác, có quá nhiều thông tin cần ghi nhớ và thực sự không có nhiều mối liên

hệ thực sự với đời sống thực tế. Năm 2016, Boadu [15] tiến hành một nghiên cứu thực nghiệm tại Ghana, thực hiện trên 32 giáo viên lịch sử và 18 học sinh trung học phổ thông nhằm khám phá nhận thức của giáo viên đối với các thách thức trong quá trình giảng dạy lịch sử. Kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng giáo viên và học sinh đều phải đối mặt với vấn đề quá tải từ giáo trình, cùng với sự khan hiếm của tài nguyên giảng dạy và thiếu hỗ trợ học tập. Điều này đã tạo ra những khó khăn đáng kể trong quá trình giảng dạy và học lịch sử, làm tăng thách thức cho cả giáo viên và học sinh. Trong diễn đàn "Vai trò của việc dạy và học môn Lịch sử trong giáo dục Việt Nam", thầy Hà Văn Tịnh, người đã từng là cán bộ giảng dạy môn Lịch sử tại trường Đại học Khoa học Huế, đã chia sẻ rằng học sinh ngày nay không hứng thú với môn học Lịch sử vì cho rằng môn học này là môn học nhàm chán [16].

Giáo sư Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã phát biểu rằng, thực trạng dạy và học lịch sử trong trường phổ thông đang có nhiều những vấn đề cần giải quyết như nó đã và đang gây ra những nỗi lo âu trong xã hội. Nỗi lo âu này được phản ánh qua kết quả của các kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trên cả nước, thông qua phương tiện truyền thông xã hội, hay thông qua các cuộc điều tra xã hội học cũng chỉ ra thực trạng đáng buồn trong học tập môn Lịch sử. Vấn đề lớn nhất được đặt ra là sự thờ ơ trong việc học tập môn Lịch sử của học sinh, phần lớn cho rằng môn học không hấp dẫn, nặng nề, khô khan, và nhàm chán. Giáo sư Phan Huy Lê cũng nhấn mạnh rằng, để cải thiện được vấn đề này, cần có sự thay đổi đến từ mọi mặt như nội dung và phương pháp giảng dạy, tài liệu học và chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên môn Lịch sử [17].

Theo kết quả khảo sát của các bài nghiên cứu về thực trạng dạy và học môn Lịch sử ở các trường học trên cả nước với tiêu đề "Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn Lịch sử ở bậc trung học cơ sở tỉnh Bình Dương - Thực trạng và giải pháp" đã chỉ ra có 31,78% học sinh thờ ơ khi học Lịch sử. Kết quả này cho thấy một con số đáng buồn về thái độ học tập môn học này [18].

Những kết quả trên đều cho thấy một thực trạng cần phải lưu tâm về học tập môn Lịch sử dù ở trên thế giới hay tại Việt Nam. Do đó một nghiên cứu sâu về những nhân tố tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử là thực sự cần thiết để nâng cao chất lượng và tính hiệu quả của môn học.

### 2.3. *Đổi mới phương pháp tiếp cận môn Lịch sử*

Gần đây, một trong số những phương pháp được đề cập tới nhiều trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy giúp nâng cao chất lượng học tập các môn học đó là học tập dựa trên kết hợp với trò chơi. Các khái niệm về học tập dựa trên các trò chơi cũng được đã được giải thích trong các nghiên cứu về đổi mới giáo dục gần đây. Qian và Clark [19] đã đề cập rằng, việc học tập dựa trên trò chơi có thể giúp người học tăng khả năng tiếp thu và nâng cao được hiệu quả môn học. Các trò chơi được thiết kế thường liên quan đến giải quyết các vấn đề của môn học với các thử thách và trải nghiệm cảm giác chiến thắng với các thành quả đạt được. Học tập dựa trên trò chơi là một phương pháp hiệu quả để hỗ trợ học sinh học tập và thu nạp các kiến thức hiệu quả hơn. Trong thực tế, ngày nay, khái niệm này đang trở nên rất phổ biến và đang dần được triển khai ở một số hoạt động của giáo viên. Meluso và cộng sự [20], Sung và Hwang [21], Hung và cộng sự [22], Yien và cộng sự [23], và Lin và cộng sự [24], cũng đã chỉ ra kết quả rằng học tập dựa trên trò chơi đã tác động rất tích cực đến việc học của học sinh và giúp người học nâng cao tính tự tin cũng như tin tưởng hơn vào năng lực bản thân. Cụ thể, Meluso và cộng sự [20] đã giải thích rằng áp dụng trò chơi trong học tập giúp tăng đáng kể hiệu quả học tập của một môn học khi giúp người học tự tin hơn vào kiến thức của mình. Trong khi đó Hung và cộng sự [22] cũng đã nhấn mạnh thêm rằng, việc học tập thông qua trò chơi giúp người học tin vào bản thân mình hơn khi so sánh với phương pháp truyền thống trước đó là chỉ thông qua bài giảng thông thường với giáo viên, sự tự tin đó cũng dẫn tới một kết quả tích cực trong việc tiếp nhận kiến thức môn học. Thêm vào đó, Yien và cộng sự [23], và Lin và cộng sự [24] cũng đã chứng

minh một kết quả tích cực khi học sinh học tập thông qua các trò chơi, tại các trò chơi, người học phải giải quyết các vấn đề, cũng như các thách thức thuộc nội dung môn học theo một cách thú vị và hấp dẫn, giúp lôi cuốn người học hơn.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện thông qua phương pháp điều tra bảng hỏi với các câu hỏi đóng và các câu hỏi mở để làm rõ và củng cố thêm kết quả nghiên cứu. Về phân tích nghiên cứu, bài báo này sử dụng cả phương pháp phân tích định lượng và phân tích định tính. Phần phân tích định lượng, bài nghiên cứu sử dụng phần mềm Stata để phân tích các khía cạnh liên quan đến xây dựng các nhân tố phù hợp tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử và chạy mô hình hồi quy tuyến tính. Phần phân tích định tính là phân tích các câu hỏi mở để củng cố và tìm ra những điểm mới hơn về các nhân tố tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử. Đồng thời, phần câu hỏi mở cũng đưa ra các gợi ý về đề xuất đổi mới môn học.

Về dữ liệu nghiên cứu, bài nghiên cứu tập trung vào nhóm đối tượng ngoài 18 tuổi và không quá 22 tuổi và đang trong thời gian học Đại học. Đây là nhóm đối tượng đã học qua môn học Lịch sử ở các cấp học phổ thông, và họ cũng chỉ mới kết thúc chương trình học phổ thông không quá lâu nên những nhận định lại về thái độ học tập môn Lịch sử sẽ đảm bảo tính chính xác cao. Lý do lựa chọn sinh viên cả bốn năm thay vì chỉ tập trung vào sinh viên năm nhất, nhóm đối tượng vừa học xong cấp học phổ thông. Vì sinh viên của bốn năm học khi đã trải qua thêm các thời gian học tập ở môi trường khác là Đại học thì khi nhìn nhận lại thái độ học tập của mình với môn học Lịch sử có thể chính xác và đa chiều hơn so với chỉ tập trung vào nhóm sinh viên năm nhất, những người vừa chịu nhiều áp lực từ kỳ thi tốt nghiệp phổ thông và dư âm để lại có thể ảnh hưởng đến nhận định của họ. Đồng thời, đối tượng nghiên cứu được đa dạng hoá và cân đối giữa những người đang theo học các chuyên ngành thuộc xã hội và tự nhiên để tránh sai lệch kết quả nghiên cứu. Vì

thực tế có thể những người đang theo học ngành thuộc xã hội có thể thích học Lịch sử và ngược lại.

Cuộc khảo sát được thực hiện dựa trên gửi link google form tới các đối tượng đang là sinh viên để đảm bảo độ tuổi là phù hợp. Link google form được gửi đi là 515, tuy nhiên nhận về là 446 phản hồi, với 400 phản hồi hợp lệ để đưa vào phân tích. Bảng hỏi được xây dựng bao gồm 35 câu hỏi trong đó có 31 câu hỏi đóng và 4 câu hỏi mở. Các câu hỏi đóng được xây dựng xoay quanh các nhân tố được đề xuất có tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử và đồng thời các câu liên quan đến thái độ học môn học Lịch sử. Các câu hỏi mở là gồm hai câu liên quan đến tìm lý do thích học hay nguyên nhân không thích học tập môn Lịch sử. Và hai câu cuối cùng là liên quan đến đánh giá đề xuất cũng như đóng góp cho đề xuất đổi mới phương pháp tiếp cận học tập môn Lịch sử.

Dựa trên định nghĩa về thái độ ở phần tổng quan nghiên cứu, bài nghiên cứu xây dựng biến phụ thuộc thái độ gồm ba đo lường là “THICHLICHSU”, “HUNGTHU”, và “THICHSUNHAT”. Đo lường đầu tiên “THICHLICHSU” là biến giả có hai đáp án gồm “thích” và “không thích” môn học Lịch sử. Trong nhiều nghiên cứu, đáp án “Không” có thể làm kết quả nghiên cứu bị sai lệch và không triển khai tiếp được, tuy nhiên do đặc điểm của nghiên cứu này là về học môn học Lịch sử. Mà việc học Lịch sử là bắt buộc, cho dù người học thích hay không thích. Cho nên câu hỏi chọn đáp án “Thích” và “Không thích” trong nghiên cứu này vẫn có giá trị, và giúp bài nghiên cứu chỉ ra được những nhân tố nào tác động đến việc “Không thích” của các bạn. Đo lường thứ hai “HUNGTHU” là biến chọn đáp án có sẵn để trả lời về cảm giác khi học môn học Lịch sử gồm có 5 đáp án trả lời là “Cảm thấy chán ghét môn Lịch sử” “Cảm thấy không hứng thú khi học môn Lịch sử” “Cảm thấy bình thường” “Cảm thấy hứng thú học Lịch sử” và cuối cùng là “Cảm thấy rất hứng thú học môn học Lịch sử”, các đáp án này sau này được mã hoá thành các đáp án có số từ 1 đến 5 tương ứng. Đo lường thứ ba là “THICHSUNHAT”, đây là biến được xây dựng dựa trên tập hợp 4 câu hỏi

được đo theo các mức độ thang đo Likert từ 1 đến 5 với mức 1 là “Hoàn toàn không đồng ý”, 2 là “Không đồng ý”, 3 là “Trung lập”, 4 là “Đồng ý” và 5 là “Hoàn toàn đồng ý”.

Các biến giải thích sẽ được xây dựng dựa trên phân tích đánh giá về các nhân tố tác động đến thái độ học tập môn học được đề cập phía trên như phương pháp giảng dạy, ảnh hưởng từ bố mẹ, tác động từ bạn bè, nghề nghiệp liên quan đến lịch sử, cảm nhận từ bản thân về môn học, đặc điểm cá nhân về môn học sẽ được xây dựng để xem xét tác động của nó lên thái độ học tập môn Lịch sử.

Có tổng bốn câu hỏi mở trên tổng số 35 câu hỏi của khảo sát được thực hiện. Với hai câu hỏi mở đầu tiên, bài nghiên cứu muốn khai thác kỹ hơn lý do học sinh thích hay không thích môn học lịch sử để tránh thiếu sót các nhân tố ảnh hưởng trong quá trình xây dựng biến trong mô hình hồi quy. Thêm vào đó, hai câu hỏi mở cuối cùng trong khảo sát còn muốn dựa trên gợi ý về đổi mới giảng dạy bằng cách kết hợp môn học với trò chơi được gợi ý ở phần “Đổi mới phương pháp tiếp cận môn học” để xem xét xem liệu đây có phải là một phương pháp hiệu quả có tác động tích cực đến thái độ học tập môn Lịch sử hay không. Câu hỏi mở cuối cùng kỳ vọng rằng nếu môn học kết hợp trò chơi là một phương pháp hiệu quả, thì gợi ý nội dung trò chơi đó có thể được thiết kế ra sao nhằm

tăng hiệu quả học tập môn học cũng tạo ra nhưng kết quả gợi ý đáng chú ý.

#### 4. Phân tích kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Phân tích dữ liệu nghiên cứu

Bảng 1 được trích xuất từ kết quả xử lý trên phần mềm Stata cho thông tin tổng quan về các biến trong mô hình, tổng câu hỏi đóng được đưa vào phân tích hồi quy là 31 câu hỏi gồm các câu hỏi của biến phụ thuộc là thái độ học lịch sử và các câu hỏi xoay quanh các nhân tố tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử ở cấp phổ thông. Thống kê cho thấy tổng các quan sát là 400, biến phụ thuộc được đo lường bởi 3 thước đo khác nhau đã được đề cập bên trên. Trong đó câu hỏi 1 là câu hỏi “thích” hay “không thích” môn học Lịch sử, với giá trị 1 được thể hiện cho câu trả lời “thích” và giá trị 0 là “không thích” học môn Lịch sử. Kết quả cho thấy có 68,75% người trả lời chọn đáp án thích học môn Lịch sử. Câu hỏi 2 là câu hỏi cho biến “HUNGTHU”, kết quả cho thấy không ai chọn “Cảm thấy chán ghét môn học Lịch sử” với đáp án là 1, vì kết quả hiện thị cho thấy kết quả bé nhất là giá trị 2. Đối với các thước đo thứ 3 thì có 4 câu hỏi đều là các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert với 5 mức trả lời.

Bảng 1. Bảng thống kê mô tả các biến

Ký hiệu biến	Nội dung câu hỏi	Quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
THICHLICHSU	Em có thích môn học Lịch sử không.	400	0,688	0,464	0	1
HUNGTHU	Khi học Lịch sử em cảm thấy thế nào.	400	3,348	0,921	2	5
THICHSUNHAT1	Em thích học Lịch sử hơn các môn học khác.	400	2,728	0,903	1	5
THICHSUNHAT2	Học lịch sử rất thú vị.	400	3,370	0,995	1	5
THICHSUNHAT3	Với em lịch sử rất dễ.	400	2,460	1,018	1	5
THICHSUNHAT4	Em thường xuyên nghĩ về lịch sử.	400	2,730	0,985	1	5
PHUONGPHAP1	Thầy cô sử dụng nhiều hình ảnh, video, câu chuyện kể,... khi dạy Lịch sử.	400	3,483	1,106	1	5
PHUONGPHAP2	Tài liệu học có nhiều ảnh trực quan đa dạng phong phú.	400	3,263	1,152	1	5

PHUONGPHAP3	Em thích phong cách giảng dạy của giáo viên dạy lịch sử.	400	3,240	1,109	1	5
PHUONGPHAP4	Thầy cô tương tác với học sinh nhiều trong giờ học Lịch Sử.	400	3,270	1,079	1	5
PHUONGPHAP5	Thầy cô luôn động viên khuyến khích chúng em học về lịch sử.	400	3,643	1,078	1	5
PHUONGPHAP6	Tài liệu học có nội dung tạo sự hứng thú.	400	2,963	1,031	1	5
PHUONGPHAP7	Cách tiếp cận bài học của tài liệu học thú vị.	400	2,893	1,060	1	5
PHUONGPHAP8	Các câu hỏi trong sách thú vị.	400	2,635	0,987	1	5
PHUONGPHAP9	Các câu hỏi trong sách khơi gợi sự tìm hiểu trong em.	400	2,740	1,042	1	5
GIADINH1	Bố mẹ em nói hiểu biết về lịch sử rất hữu ích trong cuộc sống.	400	3,553	1,079	1	5
GIADINH2	Bố mẹ thường hỏi em những vấn đề liên quan đến lịch sử.	400	2,658	1,064	1	5
GIADINH3	Bố mẹ cho em thấy học lịch sử là quan trọng.	400	3,168	1,126	1	5
BANBE1	Các bạn trong lớp đều thích môn học lịch sử.	400	2,130	0,815	1	5
BANBE2	Các bạn trong lớp thường nói chuyện với nhau về các chủ đề lịch sử.	400	1,963	0,841	1	5
BANBE3	Các bạn trong lớp thường đố nhau các câu hỏi về lịch sử.	400	2,008	0,916	1	5
NGHENGHIEP1	Em muốn sau này làm việc trong lĩnh vực lịch sử.	400	2,013	0,941	1	5
NGHENGHIEP2	Em muốn làm một nhà sử học trong tương lai.	400	1,723	0,841	1	5
NGHENGHIEP3	Kiến thức lịch sử là cần thiết cho công việc tương lai của em.	400	3,068	1,015	1	5
CAMNHAN1	Lịch sử thật sự tẻ nhạt và không hấp dẫn với em.	400	2,368	1,091	1	5
CAMNHAN2	Môn học lịch sử là quan trọng.	400	2,453	1,112	1	5
CAMNHAN3	Lịch sử giúp em tự tin hơn.	400	3,233	1,049	1	5
CAMNHAN4	Môn học cung cấp nhiều kiến thức bổ ích về lịch sử loài người, lịch sử dân tộc, và lịch sử thế giới.	400	4,318	0,885	1	5
DACTINHCANHAN1	Em có trí nhớ tốt nên học lịch sử không khó.	400	2,790	1,081	1	5
DACTINHCANHAN2	Em thích ghi nhớ các dấu mốc lịch sử.	400	3,943	1,089	1	5
DACTINHCANHAN3	Em thường trả lời đúng các câu hỏi về lịch sử.	400	2,813	0,866	1	5

#### 4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Nghiên cứu này sử dụng phân tích nhân tố khám phá EFA để xem xét tính phù hợp của dữ liệu. Đây là một phương pháp phân tích thống kê dùng để rút gọn một tập gồm nhiều biến quan sát phụ thuộc lẫn nhau thành một tập biến, các tập biến này được gọi là các nhân tố (factor). Như vậy mô hình sẽ được rút gọn gồm các các biến gọn hơn nhưng vẫn chứa đựng đủ nội dung thông tin của tập biến ban đầu [25]. Hay có thể hiểu phân tích nhân tố là tìm ra tên chung của một nhóm các biến mà có thể giúp thu nhỏ và tóm tắt các dữ liệu. Trong nghiên

cứ, ta có thể thu thập được một số lượng biến khá lớn (như 31 câu hỏi). Hầu hết các biến này có liên hệ với nhau và số lượng của chúng phải được giảm bớt xuống đến một số lượng mà chúng ta có thể sử dụng được (như 6 biến được rút ra từ phân tích nhân tố của nghiên cứu này). Các biến quan sát đưa vào EFA sẽ được rút gọn thành một số nhân tố. Mỗi nhân tố gồm có một số biến quan sát thỏa mãn các điều kiện thống kê. Như vậy từ phân tích EFA của nghiên cứu này, 31 câu hỏi sẽ được rút lại thành 6 biến, mỗi biến sẽ là tập hợp của một số câu hỏi có tính chất tương tự nhau như phân tích dưới đây.

Bảng 2. Bảng hệ số KMO

Kiểm định xoay Bartlett	
Chi-square	4257,724
Số bậc tự do	300
Mức ý nghĩa P-value	0,000
Giả thiết H0	Các biến không có mối tương quan với nhau
KMO	0,852

Qua kết quả phân tích nhân tố EFA cho thấy, hệ số KMO = 0,852 (lớn hơn 0,5) nên phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu được thu thập. Kết quả kiểm định Bartlett's là 4257,724 với mức ý nghĩa (p\_value) sig

Bartlett's Test = 0,000 (nhỏ hơn 0,05) cho thấy các biến có tương quan với nhau và có ý nghĩa trong thống kê, đồng thời chỉ ra rằng mối tương quan giữa các hạng mục câu hỏi là đủ lớn để tiến hành phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 3. Phân tích nhân tố

Nhân tố	Eigenvalue	Difference	Tỉ lệ phần trăm	Tổng tích lũy
Nhân tố 1 (PHUONGPHAP)	6,936	4,354	0,278	0,277
Nhân tố 2 (GIADINH)	2,582	0,584	0,103	0,381
Nhân tố 3 (BANBE)	1,998	0,349	0,080	0,461
Nhân tố 4 (NGHENGHIEP)	1,649	0,414	0,066	0,527
Nhân tố 5 (CAMNHAN)	1,236	0,115	0,049	0,576
Nhân tố 6 (DACTINHCANHAN)	1,121	0,161	0,045	0,621
Nhân tố 7	0,959	0,100	0,038	0,659
Số quan sát			400	

Kết quả thông số Eigenvalues từ bảng trên cho thấy: với giá trị Eigenvalue lớn hơn 1, có 6 nhân tố được trích rút và mang ý nghĩa tóm tắt thông tin tốt nhất. Tổng phương sai trích là

62,09% (lớn hơn 50%) cho biết 6 được trích giải thích được 62,09% sự biến thiên dữ liệu của các biến quan sát. Như vậy sẽ có 06 nhân tố chính được tạo lập bởi 31 câu hỏi (Bảng 4).



Bảng 4. Ma trận nhân tố xoay

Biến	PHUONGPHAP	GIADINH	BANBE	NGHENGHIEP	CAMNHAN	DNCN	Uniqueness
PHUONGPHAP1	0,753						0,401
PHUONGPHAP2	0,803						0,326
PHUONGPHAP3	0,758						0,362
PHUONGPHAP4	0,777						0,362
PHUONGPHAP5	0,539						0,557
PHUONGPHAP6	0,746						0,306
PHUONGPHAP7	0,718						0,314
PHUONGPHAP8	0,591						0,333
PHUONGPHAP9	0,566						0,397
GIADINH1		0,811					0,280
GIADINH2		0,721					0,306
GIADINH3		0,792					0,305
BANBE1			0,690				0,443
BANBE2			0,846				0,206
BANBE3			0,767				0,328
NGHENGHIEP1				0,837			0,193
NGHENGHIEP2				0,809			0,270
CAMNHAN1					-0,685		0,402
CAMNHAN2					-0,733		0,421
CAMNHAN3					0,529		0,528
DACTINHCAN HAN1						0,715	0,412
DACTINHCAN HAN2						0,654	0,425
DACTINHCAN HAN3						-0,588	0,590
NGHENGHIEP3							0,534
CAMNHAN4							0,479
(Phần ô trống thể hiện hệ số tải (loading) < 0,5)							

Để xác định được tên nhân tố, sử dụng ma trận nhân tố xoay cho thấy các biến được nhóm vào thành 6 nhóm, tên biến sẽ được đặt theo ý chung nhất của các câu hỏi. Hai câu NGHENGHIEP3 và CAMNHAN4 sẽ được loại bỏ ra khỏi phân tích.

#### 4.3. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Thang đo biến phụ thuộc “THICHSUNHAT”  
Biến “THICHSUNHAT” là biến thứ ba được xây dựng để đại diện cho biến phụ thuộc là thái độ học tập môn học. Biến này được tạo

thành từ bốn câu hỏi trong 31 câu hỏi đóng. Để kiểm định mức độ tin cậy, bốn câu hỏi được đưa vào kiểm tra bằng hệ số Cronbach’s Alpha.

Kết quả cho thấy dữ liệu thang đo biến “THICHSUNHAT” có hệ số Cronbach’s Alpha cao là 0,721, chứng tỏ độ tin cậy cao của thang đo. Hệ số Cronbach’s Alpha nếu loại bỏ từng biến dao động từ 0,631 đến 0,694 và không có biến nào khi loại bỏ làm tăng độ tin cậy của biến này. Điều này hỗ trợ cho quyết định giữ lại toàn bộ bộ biến để đo lường cho biến Thái độ học tập môn Lịch sử.

Bảng 5. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “THICHSUNHAT”

Biến	Số quan sát	Sign	Tương quan các biến	Tương quan biến tổng	Phương sai thang đo nếu loại biến	Alpha nếu loại biến
THICHSUNHAT1	400	+	0,735	0,528	0,382	0,650
THICHSUNHAT2	400	+	0,771	0,555	0,341	0,631
THICHSUNHAT3	400	+	0,746	0,509	0,363	0,660
THICHSUNHAT4	400	+	0,701	0,450	0,408	0,694
Test scale					0,374	0,721

Thang đo biến giải thích “Phương pháp giảng dạy” - PHUONGPHAP.

Biến giải thích đầu tiên được xây dựng dựa trên kết quả của ma trận nhân tố xoay bao gồm có 9 câu hỏi có nội dung chung liên quan đến phương pháp giảng dạy, do đó biến này được đặt tên là “Phương pháp giảng dạy” (Bảng 6).

Dữ liệu thang đo biến “Phương pháp giảng dạy” - PHUONGPHAP có hệ số Cronbach’s

Alpha cao là 0,892, chứng tỏ độ tin cậy cao của thang đo. Mối quan hệ giữa các biến được phản ánh qua hệ số tương quan biến tổng, nằm trong khoảng từ 0,488 đến 0,751. Hệ số Cronbach’s Alpha nếu loại bỏ từng biến dao động trong khoảng 0,800 và không có biến nào khi loại bỏ làm tăng độ tin cậy của thang đo. Điều này hỗ trợ cho quyết định giữ lại toàn bộ bộ biến để đo lường biến Phương pháp giảng dạy.

Bảng 6. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “Phương pháp giảng dạy” - PHUONGPHAP

Biến	Số quan sát	Sign	Tương quan các biến	Tương quan biến tổng	Phương sai thang đo nếu loại biến	Alpha nếu loại biến
PHUONGPHAP1	400	+	0,709	0,617	0,552	0,882
PHUONGPHAP2	400	+	0,776	0,697	0,528	0,876
PHUONGPHAP3	400	+	0,752	0,670	0,540	0,878
PHUONGPHAP4	400	+	0,765	0,689	0,540	0,876
PHUONGPHAP5	400	+	0,600	0,488	0,585	0,892
PHUONGPHAP6	400	+	0,811	0,751	0,534	0,872
PHUONGPHAP7	400	+	0,798	0,733	0,533	0,873
PHUONGPHAP8	400	+	0,699	0,616	0,567	0,882
PHUONGPHAP9	400	+	0,680	0,587	0,567	0,884
Test scale					0,550	0,892

Thang đo biến giải thích “Ảnh hưởng từ bố mẹ” - GIADINH.

Biến giải thích thứ hai được rút ra từ phân tích ma trận nhân tố xoay là biến “Ảnh hưởng

từ bố mẹ”. Biến này gồm ba câu hỏi đều liên quan chặt chẽ đến sự tác động từ bố mẹ đến người học (Bảng 7).

Dữ liệu thang đo biến “Ảnh hưởng từ bố mẹ” - GIADINH có hệ số Cronbach’s Alpha cao là 0,892, chứng tỏ độ tin cậy cao của thang đo. Mọi quan hệ giữa các biến được phản ánh qua hệ số tương quan biến tổng, nằm trong

khoảng từ 0,580 đến 0,654. Hệ số Cronbach’s Alpha nếu loại bỏ từng biến đều thấp hơn 0,781. Điều này hỗ trợ cho quyết định giữ lại toàn bộ biến để đo lường biến Ảnh hưởng từ bố mẹ.

Bảng 7. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “Ảnh hưởng từ bố mẹ” - GIADINH

Biến	Số quan sát	Sign	Tương quan các biến	Tương quan biến tổng	Phương sai thang đo nếu loại biến	Alpha nếu loại biến
GIADINH1	400	+	0,835	0,623	0,644	0,698
GIADINH2	400	+	0,809	0,580	0,722	0,745
GIADINH3	400	+	0,858	0,654	0,571	0,664
Test scale					0,645	0,781

Thang đo biến giải thích “Tác động từ bạn bè” - BANBE.

Biến giải thích thứ ba được rút ra từ phân tích ma trận nhân tố xoay là biến “Tác động từ bạn bè” được xây dựng bởi nhóm ba câu hỏi như bảng 8. Ba câu hỏi này đều có đặc điểm chung liên quan đến tác động từ bạn bè.

Dữ liệu thang đo biến “Tác động từ bạn bè” - BANBE có hệ số Cronbach’s Alpha cao là

0,733, chứng tỏ độ tin cậy cao của thang đo. Mọi quan hệ giữa các biến được phản ánh qua hệ số tương quan biến tổng, nằm trong khoảng từ 0,417 đến 0,702; Hệ số Cronbach’s Alpha nếu loại bỏ từng biến mặc dù có hệ số nhỏ hơn như bỏ biến BANBE1, tuy nhiên không đáng kể, do vậy quyết định giữ lại toàn bộ biến để đo lường biến “Tác động từ bạn bè”.

Bảng 8. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “Tác động từ bạn bè”-BANBE

Biến	Số quan sát	Sign	Tương quan các biến	Tương quan biến tổng	Phương sai thang đo nếu loại biến	Alpha nếu loại biến
BANBE1	400	+	0,714	0,417	0,512	0,796
BANBE2	400	+	0,877	0,702	0,230	0,468
BANBE3	400	+	0,829	0,571	0,316	0,630
Test scale					0,352	0,733

Thang đo biến giải thích “Nghề nghiệp liên quan đến lịch sử” - NGHENGHIEP.

Biến giải thích tiếp theo được rút ra là được cấu thành từ hai câu hỏi có liên quan đến nghề nghiệp trong tương lai liên quan đến lịch sử. Do

đó nó được đặt tên là biến “Nghề nghiệp liên quan đến lịch sử”.

Dữ liệu thang đo biến “Nghề nghiệp liên quan đến lịch sử” - Nghề nghiệp liên quan đến lịch sử có hệ số Cronbach’s Alpha cao là 0,854, chứng tỏ độ tin cậy cao của thang đo.

Bảng 9. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “Nghề nghiệp liên quan đến lịch sử” - NGHENGHIEP

Phương sai thang đo nếu loại biến	0,592
Số biến	2
Hệ số tin cậy	0,854

Thang đo biến giải thích “Cảm nhận từ bản thân về môn học” - CAMNHAN.

Biến thứ năm được xây dựng dựa trên ba câu hỏi (Bảng 10) có nội dung liên quan đến cảm nhận và suy nghĩ của bản thân người học với môn học. Do đó nó được đặt tên là “Cảm nhận từ bản thân về môn học”.

Dữ liệu thang đo biến “Cảm nhận từ bản thân về môn học” - CAMNHAN có hệ số Cronbach’s Alpha cao là 0,656, Hệ số Cronbach’s Alpha nếu loại bỏ biến CAMNHAN3 có nhỉnh hơn một chút là 0,673, tuy nhiên không quá khác biệt nên quyết định giữ lại đủ các biến.

Bảng 10. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “Cảm nhận từ bản thân về môn học” - CAMNHAN

Biến	Số quan sát	Sign	Tương quan các biến	Tương quan biến tổng	Phương sai thang đo nếu loại biến	Alpha nếu loại biến
CAMNHAN1	400	+	0,802	0,522	0,371	0,482
CAMNHAN2	400	+	0,798	0,507	0,384	0,502
CAMNHAN3	400	+	0,707	0,376	0,615	0,673
Test scale					0,457	0,656

Thang đo biến giải thích “Đặc điểm cá nhân” - DACTINHCANHAN.

Biến giải thích cuối cùng được xây dựng là gồm ba câu hỏi (Bảng 11) có liên quan đến đặc điểm cá nhân của người được khảo sát.

Dữ liệu thang đo biến “Đặc điểm cá nhân” - DACTINHCANHAN có hệ số Cronbach’s Alpha cao là 0,578, Hệ số Cronbach’s Alpha nếu loại bỏ biến DACTINHCANHAN3, có tăng lên là 0,628, tuy nhiên không quá khác biệt nên quyết định giữ lại đủ các biến.

Bảng 11. Đánh giá độ tin cậy của thang đo biến “Đặc điểm cá nhân” - DACTINHCANHAN

Biến	Số quan sát	Sign	Tương quan các biến	Tương quan biến tổng	Phương sai thang đo nếu loại biến	Alpha nếu loại biến
DACTINHCANHAN1	400	+	0,788	0,447	0,226	0,379
DACTINHCANHAN2	400	+	0,727	0,446	0,308	0,414
DACTINHCANHAN3	400	+	0,703	0,293	0,439	0,628
Test scale					0,324	0,578

#### 4.4. Kết quả thực nghiệm và thảo luận

Mô hình hồi quy được xây dựng như sau:

$$\text{THAIDO} = \beta_1 * \text{PHUONGPHAP} + \beta_2 * \text{GIADINH} + \beta_3 * \text{BANBE} + \beta_4 * \text{NGHENGHIEP} + \beta_5 * \text{CAMNHAN} + \beta_6 * \text{DACTINHCANHAN} + \beta_0$$

Trong đó:

THAIDO: biến thái độ học tập môn học, được đo lường thông qua 3 thước đo đã

được đề cập trước đó gồm THICHLICHSU, HUNGTHU, và THICHSUNHAT

PHUONGPHAP: biến “Phương pháp giảng dạy”.

GIADINH: biến “Ảnh hưởng từ bố mẹ”.

BANBE: biến “Tác động từ bạn bè”.

NGHENGHIEP: biến “Nghề nghiệp liên quan đến lịch sử”.

CAMNHAN: biến “Cảm nhận từ bản thân về môn học”.

DACTINHCANHAN: biến “Đặc điểm cá nhân”.

Sau khi kiểm tra mức độ phù hợp, các biến được kiểm tra mức độ tương quan. Kiểm định mối tương quan giữa các biến cho thấy những gợi ý ban đầu về mối quan hệ giữa thái độ học

tập môn Lịch sử với các yếu tố khác trong đó chỉ có yếu tố Cảm nhận bản thân về môn học dường như có mối quan hệ nghịch biến với Thái độ (Bảng 12).

Bảng 12. Ma trận hệ số tương quan

Biến	THICH LICHSU	HUNG THU	THICH SUNHAT	PHUONG PHAP	GIA DINH	BAN BE	NGHE NGHIEP	CAM NHAN	DACTINH CANHAN
THICHLICHSU	1,000								
HUNGTHU	0,776	1,000							
THICHSUNHAT	0,587	0,631	1,000						
PHUONGPHAP	0,260	0,372	0,418	1,000					
GIADINH	0,242	0,269	0,336	0,316	1,000				
BANBE	0,113	0,151	0,265	0,322	0,243	1,000			
NGHENGHIEP	0,337	0,374	0,485	0,289	0,234	0,289	1,000		
CAMNHAN	-0,361	-0,320	-0,235	-0,152	0,131	0,001	-0,079	1,000	
DACTINHCANHAN	0,301	0,337	0,451	0,271	0,158	0,043	0,176	-0,079	1,000

Ban đầu mô hình hồi quy OLS (mô hình 1, 2, 3) được sử dụng để kiểm tra sự tác động của các biến giải thích trong mô hình với biến phụ thuộc là thái độ học tập được đo lường bởi ba phép đo. Kết quả cho thấy các biến giải thích đều có ý nghĩa thống kê ở mức cao, trừ biến đầu tiên ở mô hình thứ hai (Bảng 13).

Các mô hình lần lượt được kiểm tra đa cộng tuyến bằng hệ số VIF, kết quả cho thấy các biến đều có kết quả VIF nhỏ hơn 1,3, cho thấy không có vấn đề liên quan đến đa cộng tuyến. Sau đó các biến cũng được kiểm tra vấn đề phương sai sai số thay đổi, và kết quả cho thấy mô hình 1 và 3 có xuất hiện hiện tượng này. Để giải quyết vấn đề này, với mô hình thứ nhất, mô hình sử dụng biến phụ thuộc là biến giả thì phương pháp hồi quy Probit được sử dụng, và kết quả cũng không có sự khác biệt so với trước đó. Với mô hình thứ 3, phương pháp hồi quy GLS được sử dụng để giải quyết vấn đề này. Kết quả cho thấy các biến giải thích vẫn có ý nghĩa thống kê rất cao (Nhìn mô hình 4 và 5).

Từ kết quả hồi quy cho thấy các nhân tố được xây dựng đều tác động mạnh mẽ đến thái

độ học tập môn học, trong đó ba nhân tố tác động mạnh mẽ nhất đến thái độ học là NGHENGHIEP, CAMNHAN và DACTINHCANHAN với hệ số hồi quy lớn (giao động từ 0,133 đến 0,815). Tức là yếu tố nghề nghiệp, cảm nhận từ bản thân về môn học, và yếu tố đặc điểm cá nhân là có ảnh hưởng lớn nhất đến thái độ học tập môn học.

#### 4.5. Phân tích phỏng vấn và thảo luận

Ngoài phân tích định lượng bằng phương pháp hồi quy như bên trên. Nghiên cứu này còn xây dựng 4 câu hỏi mở, nhằm hỏi sâu hơn vào thái độ học tập môn Lịch sử. Mục đích là củng cố các biến đã xây dựng ở mô hình hồi quy bên trên và đồng thời tìm ra những nhân tố khác ngoài những nhân tố đã có trong mô hình được xây dựng có tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử. Có tổng 312 người đã tham gia phỏng vấn sâu. Các nhân tố được rút ra sau khi đưa câu trả lời vào hệ thống xử lý và tìm ra các câu trả lời có nội dung tương tự nhau để cho vào cùng một nhóm. Những câu trả lời chỉ xuất hiện một lần thì được loại bỏ khỏi phân tích.

Bảng 13. Kết quả nghiên cứu hồi quy

Mô hình	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3	Mô hình 4	Mô hình 5
	OLS	OLS	OLS	Probit	GLS
Các biến	THICHLICHSU	HUNGTHU	THICHSUNHAT	THICHLICHSU	THICHSUNHAT
PHUONGPHAP	0,037 (0,03)	0,212*** (0,06)	0,139*** (0,04)	0,112 (0,11)	0,139*** (0,04)
GIADINH	0,049** (0,02)	0,092** (0,05)	0,099*** (0,03)	0,184** (0,09)	0,099*** (0,03)
BANBE	-0,005 (0,03)	-0,013 (0,06)	0,082* (0,04)	-0,015 (0,12)	0,082** (0,04)
NGHENGHIEP	0,133*** (0,03)	0,273*** (0,05)	0,278*** (0,03)	0,518*** (0,11)	0,278*** (0,03)
CAMNHAN	-0,235*** (0,03)	-0,376*** (0,06)	-0,174*** (0,05)	-0,815*** (0,13)	-0,174*** (0,04)
DACTINHCANHAN	0,166*** (0,04)	0,342*** (0,07)	0,403*** (0,05)	0,646*** (0,15)	0,403*** (0,05)
Hằng số	0,285* (0,17)	1,836*** (0,33)	0,577** (0,23)	-1,056 (0,65)	0,577** (0,23)
Số quan sát	400	400	400	400	400
Hệ số R-squared	0,29	0,332	0,46		

*Ghi chú: \*, \*\*, và \*\*\* biểu thị ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1% tương ứng.*

Câu hỏi đầu tiên được đặt ra cho đối tượng nghiên cứu là “Tại sao bạn thích học lịch sử”. Các lý do được tìm thấy khi hỏi về lý do thích học môn học Lịch sử đó là “Lịch sử giúp mở rộng kiến thức” chiếm 6,73%; “Lịch sử giúp bản thân Tự hào dân tộc, yêu nước, trân trọng, biết ơn thế hệ đi trước” chiếm 5,77%, “Lịch sử giúp hiểu về nguồn cội” chiếm 5,45%, “Do bản thân thích học môn học Lịch sử” chiếm 4,49%, “Do môn học Lịch sử thú vị” chiếm 4,17%, “Do tác động tích cực từ người dạy” chiếm 3,21% hay “Do ảnh hưởng từ gia đình” là 0,96%. Như vậy có thể thấy các nhân tố như “Do tác động tích cực từ người dạy”, “Do bản thân thích học môn học Lịch sử”, và “Do ảnh hưởng từ gia đình” là giống tương ứng với các biến “Phương pháp giảng dạy”, “Đặc điểm cá nhân về môn học” và “Ảnh hưởng từ bố mẹ” được xây dựng trên mô hình hồi quy bên trên.

Còn lại đều là những nhân tố mới có tác động đến thái độ tích cực khi học môn học Lịch sử.

Đối với câu hỏi thứ hai là “Tại sao bạn không thích học lịch sử” thì các nguyên nhân được tìm ra bao gồm “Kiến thức khá dài, nhiều mốc thời gian và khó nhớ” chiếm 49,36%, “Vấn đề từ người dạy: Khô khan, chưa thu hút” chiếm 19,23%, “Vấn đề thuộc về sở thích cá nhân người học” chiếm 8,33%, “nhàm chán, dài dòng, khô khan, không hình ảnh trực quan trong giảng dạy” chiếm 5,77%. Các nhân tố được tìm ra ở đây thì so với những nhân tố đã sử dụng trong mô hình, thấy được có một điểm mới với một tỉ trọng rất lớn trong câu trả lời đó là xuất phát từ đặc điểm môn học là kiến thức khá dài, nhiều mốc thời gian và khó nhớ. Còn lại đều là những nhân tố đã được xây dựng trong mô hình hồi quy. Như vậy có thể thấy đặc điểm môn học, vai trò của người dạy, phương pháp giảng

dạy, sở thích của bản thân đóng một vai trò rất lớn tác động đến thái độ học tập môn Lịch sử. Điểm đóng góp lớn nhất từ câu hỏi mở cho kết quả nghiên cứu này là cho thấy mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến thái độ học tập môn Lịch sử là khác nhau. Như yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất được chỉ ra là từ đặc điểm môn học gồm kiến thức dài, nhiều mốc thời gian và khó nhớ. Sau đó là đến vấn đề từ người dạy, và theo sau đó là những tác động ít hơn đến từ các khía cạnh khác.

Từ những vấn đề tìm ra được từ kết quả hỏi quy cũng như câu trả lời phỏng vấn sâu, chúng ta thấy được môn học Lịch sử vẫn là môn học được yêu thích với kết quả 68.75% trên tổng số người được khảo sát, tuy nhiên vẫn có những sự không yêu thích. Hoặc có thích nhưng thái độ học chưa tích cực, thì nguyên nhân được chỉ ra ở đây bắt nguồn từ những vấn đề lớn đó là liên quan đến đặc điểm môn học như kiến thức khá dài, nhiều mốc thời gian và khó nhớ, phương pháp giảng dạy hay sự nhàm chán, dài dòng, khô khan, không hình ảnh trực quan trong giảng dạy. Vậy nếu chúng ta có thể cố gắng đổi mới phương pháp giảng dạy và làm cho nó trở nên thú vị hơn, hấp dẫn hơn, bớt khô khan nhàm chán, đồng thời thêm các hình ảnh trực quan trong quá trình giảng dạy thì có thể chất lượng học môn học sẽ được cải thiện đáng kể. Và việc cải thiện phương pháp thế nào cũng là một câu hỏi đặt ra cần tìm lời giải đáp.

Để trả lời cho câu hỏi đổi mới phương pháp thế nào, tác giả phân tích kỹ thực trạng cho rằng học lịch sử có phần nhàm chán, khô khan, khó nhớ như theo nghiên cứu của Schug [11], Ahmed và Maryam [12], Amengor [13], Obeidat và cộng sự [14], hay phân tích câu hỏi mở “Tại sao bạn không thích học Lịch sử”, thì nhận thấy lý do đa phần người học cho rằng những điểm như kiến thức khó nhớ, khô khan, không có hình ảnh trực quan,... Dựa vào các đề xuất của những nghiên cứu gần đây cho thấy việc đưa trò chơi vào kết hợp với môn học hay việc game hoá môn học sẽ tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của môn học như từ nghiên cứu của Qian và Clark [19], Meluso và cộng sự [20], Sung và Hwang [21], Hung và cộng sự [22], Yien và cộng sự [23], Lin và cộng sự [24], bảng

khảo sát đã đi hỏi sâu hơn người khảo sát với câu hỏi mở là liệu đưa các trò chơi vào học thì các bạn cảm thấy thế nào” và “nếu đưa trò chơi vào thì các bạn thích nó sẽ giống như thế nào”. Thú vị là 246 câu trả lời với tỉ lệ 78,9% cho thấy nếu đưa game vào môn học thì sẽ giúp môn học trở nên thú vị và hứng thú hơn. Bên cạnh đó, có đến 94 câu trả lời, chiếm 30,12% ý kiến nhắc đến việc game hoá môn học sẽ giúp môn học dễ tiếp thu, dễ nhớ, hấp dẫn, tuyệt vời, đột phá và sáng tạo. Điều đó giúp chúng ta thấy rằng hướng đi kết hợp học tập và trò chơi có thể sẽ trở thành một phương pháp hiệu quả cho môn học Lịch sử.

Để hiểu rõ hơn về nội dung game các bạn mong muốn được đưa vào môn học Lịch sử để đưa ra đề xuất xây dựng game phù hợp, thì phần lớn chiếm 20% người được hỏi trả lời rằng nên là dạng game nhập vai vào nhân vật lịch sử, đi theo dấu mốc các giai đoạn lịch sử và đạt được các dấu mốc quan trọng; 4,5% cho rằng nên có đồ hoạ đẹp. Còn lại là các đề xuất đơn lẻ khác về các dạng game khác nhau. Như vậy dạng game nhập vai đang là dạng game được đa số các bạn nghĩ tới và đề xuất. Vậy cũng có thể thấy rằng, nếu môn học Lịch sử được xây dựng với dạng game nhập vai, có lẽ sẽ là một dạng game hấp dẫn để cải thiện chất lượng học tập môn học.

Ngoài phần lớn các câu trả lời đều nói rằng nếu môn học Lịch sử được thiết kế dưới dạng game hoá thì sẽ rất thú vị, hấp dẫn người học thì cũng có 12 ý kiến trên tổng số 312 ý kiến chiếm 3,85% không đồng tình. Sự không đồng tình này đến từ các lý do như người được hỏi cho rằng trò chơi là không phù hợp trong học tập, hay bắt nguồn từ việc bản thân người đó không thích chơi game, hoặc là do chưa hình dung được cụ thể về game sẽ thế nào nên chưa thể trả lời được. Tuy nhiên vì chỉ chiếm tỉ lệ 3,85% nên đây cũng chỉ là những con số rất nhỏ, không phản ánh được vấn đề là game hoá môn học là một phương pháp không phù hợp trong đổi mới phương pháp học tập môn Lịch sử.

Như vậy kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng tất cả các biến được xây dựng trong mô hình nghiên cứu bao gồm phương pháp giảng dạy,

tác động từ bố mẹ, ảnh hưởng từ bạn bè, nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực lịch sử, cảm nhận tiêu cực của bản thân về môn học hay đặc điểm cá nhân liên quan đến môn học đều có ý nghĩa thống kê và giải thích mạnh mẽ cho biến thái độ học tập môn Lịch sử. Thêm vào đó, kết quả từ các câu hỏi mở cũng đã bổ sung thêm các lý do và nguyên nhân của việc thích và không thích môn học, cũng như câu hỏi về đánh giá đề xuất đổi mới môn học. Mà cụ thể ở đây là đưa ra một đề xuất quan trọng, đó là đổi mới phương pháp tiếp cận môn học lịch sử bằng phương pháp game hoá môn học Lịch sử. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra được, nếu môn học lịch sử được đổi mới kết hợp với game hoá thì tính hiệu quả của môn học sẽ được cải thiện đáng kể.

## 5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu đã cho thấy rằng mọi yếu tố có trong mô hình nghiên cứu, bao gồm đặc điểm môn học, phương pháp giảng dạy, tác động từ bố mẹ, ảnh hưởng từ bạn bè, nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực lịch sử, cảm nhận tiêu cực về môn học, và đặc điểm cá nhân liên quan đến môn học, đều đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa thống kê trong việc giải thích biến thái độ học tập đối với môn lịch sử. Đặc biệt với các con số tìm được từ mô hình hồi quy, và câu hỏi mở, nghiên cứu đã chỉ ra các mức độ ảnh hưởng từ các biến là khác nhau. Tác động mạnh mẽ nhất là biến nghề nghiệp tương lai liên quan đến lịch sử, cảm nhận từ bản thân về môn học, và yếu tố đặc điểm cá nhân như được rút ra từ mô hình hồi quy. Như vậy thông qua các câu hỏi mở, nghiên cứu cũng đã mở rộng thêm chiều sâu trong việc hiểu về lý do và nguyên nhân của sự hứng thú và không hứng thú trong môn học, Những kết quả này cũng khá là trùng khớp các nghiên cứu trước đó. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, nếu áp dụng game hoá vào môn học lịch sử, hiệu quả của quá trình học tập có thể được cải thiện đáng kể. Nội dung game hoá có thể là dạng game nhập vai dựa vào các câu chuyện lịch sử để tiếp cận, đây được coi là một giải pháp hữu hiệu để tăng tính hiệu quả cho môn học.

## Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Nhiệm vụ KH&CN cấp Trường, mã số N.23.07, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội,

## Tài liệu tham khảo

- [1] K. Issar, Students' Attitude Towards Studying History and Teaching Practices, *Education Quarterly Reviews*, Vol. 4, No. 3, 2021, pp. 45-50.
- [2] T. Quan, Why do Students Dislike History Subjects?, *Tuoi Tre Online*, <https://tuoitre.vn/vi-sao-hoc-sinh-chan-mon-su-20220420215214797.htm/>, 2022 (accessed on: October 15<sup>th</sup>, 2023) (in Vietnamese).
- [3] Y. M. Mazana, C. S. Montero, C. R. Olifage, Investigating Students Attitude Towards Learning Mathematics, 2019.
- [4] A. Wenden, *Learner Strategies for Learner Autonomy*, Prentice Hall, 1991.
- [5] A. Sarmah, P. Puri, Attitude Towards Mathematics of the Students Studying in Diploma Engineering Institute (Polytechnic) of Sikkim, *Journal of Research and Method in Education*, Vol. 4, No. 6, 2014, pp. 6-10.
- [6] F. Syeda, Understanding Attitudes Towards Mathematics (ATM) using a Multimodal Model: An Exploratory Case Study with Secondary School Children in England, *Cambridge Open-Review Educational Research E-Journal*, Vol. 3, 2016, pp. 32-62.
- [7] M. K. Akinsola, F. Olowojaiye, Teacher Instructional Methods and Student Attitudes Towards Mathematics, *International Electronic Journal of Mathematics Education*, Vol. 3, No. 1, 2008, pp. 60-73.
- [8] G. Joseph, A Study on School Factors Affecting Students' Attitudes Towards Learning Mathematics in the Community Secondary Schools in Tanzania, The Case of Bukoba Municipal Council in Kagera Region, *The Open University of Tanzania*, 2013, <https://core.ac.uk/download/pdf/33425741.pdf> (accessed on: September 9<sup>th</sup>, 2023).
- [9] P. Prokop, G. Tuncer, J. Chudá, Slovakian Students' Attitudes Toward Biology, *Eurasia Journal of Mathematics, Science and Technology Education*, Vol. 3, No. 4, 2007, pp. 287-295.
- [10] H. T. Q. Chi, Attitude to Learning History of Hanoi High School students, *Hanoi National University*,



- [https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple\\_document.php?subfolder=13/30/94/&doc=133094686971485739541216349310604712246&bitsid=b9e1e32a-bafd-4dc0-9a44-4df1a4158579&uid=/](https://repository.vnu.edu.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=13/30/94/&doc=133094686971485739541216349310604712246&bitsid=b9e1e32a-bafd-4dc0-9a44-4df1a4158579&uid=/), 2015 (accessed on: September 9<sup>th</sup>, 2023) (in Vietnamese).
- [11] M. C. Schug, Why Kids don't Like Social Studies, Paper Presented at the Annual Meeting of the National Council for the Social Studies, 1982, <https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED224765.pdf> (accessed on: September 11<sup>th</sup>, 2023).
- [12] U. Ahmed, S. Maryam, Secondary School Students' Attitude Towards the Social Science Studies in Sargodha City, Pakistan, *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*, Vol. 5, No. 2, 2016, pp. 67-76.
- [13] A. Amengor, P. Fredrick, The Attitude of Senior Secondary Students Towards the Study of History, Grin Verlag Publishers, 2007.
- [14] H. Obeidat, B. A. Mahmoud, A. Khaled, A. A. Mansoor, The Effect of Students' Reluctance of Studying History on Their Level of Historical Culture, *Asian Social Science*, Vol. 7, No. 2, 2011, pp. 119-129.
- [15] G. Boadu, Teachers' Perception of the Problems Faced in the Teaching of History in Senior High School, *Journal of Arts and Humanities*, Vol. 5, No. 7, 2016, pp. 38-48.
- [16] Forum "The Role of Teaching and Learning History in Vietnamese Education" December 10, 2015 (in Vietnamese).
- [17] T. T. Sang, Teaching and Learning History: Don't Leave the Indifference in the Younger Generation, Da Nang Online, 2012, <https://baodanang.vn/channel/5433/201208/day-va-hoc-lich-su-dung-de-the-he-tre-tho-o-2188082/> (accessed on: October 7<sup>th</sup>, 2023) (In Vietnamese).
- [18] Improving the Quality of Teaching and Learning History at the Secondary Level in Binh Duong Province - Current Status and Solutions, Department of Science and Technology of Binh Duong Province, 2014, <http://sokhcn.binhduong.gov.vn/New/nang-cao-chat-luong-giang-day-va-hoc-tap-mon-lich-su-cap-trung-hoc-co-so-o-tinh-binh-duong-thuc-trang-va-giai-phap-10> (accessed on: October 4<sup>th</sup>, 2023) (in Vietnamese).
- [19] M. Qian, K. P. Clark, Game-based Learning and 21<sup>st</sup> Century Skills: A Review of Recent Research, *Computers in Human Behavior*, Vol. 63, 2016, pp. 50-58.
- [20] A. Meluso, M. Zheng, H. A. Spires, J. Lester, Enhancing 5<sup>th</sup> Graders' Science Content Knowledge and Self-efficacy through Game-based Learning, *Computers and Education*, Vol. 59, No. 2, 2012, pp. 497-504.
- [21] H. Y. Sung, G. J. Hwang, A Collaborative Game-based Learning Approach to Improving Students' Learning Performance in Science Courses, *Computers and Education*, Vol. 63, 2013, pp. 43-51.
- [22] C. M. Hung, I. Huang, G. J. Hwang, Effects of Digital Game-based Learning on Students' Self-efficacy, Motivation, Anxiety, and Achievements in Learning Mathematics, *Journal of Computers in Education*, Vol. 1, No. 2-3, 2014, pp. 151-166.
- [23] J. M. Yien, C. M. Hung, G. J. Hwang, Y. C. Lin, A Game-based Learning Approach to Improving Students' Learning Achievements in a Nutrition Course, *Turkish Online Journal of Educational Technology-TOJET*, Vol. 10, No. 2, 2011, pp. 1-10.
- [24] C. H. Lin, E. Z. F. Liu, Y. L. Chen, P. Y. Liou, M. Chang, C. Wu et al., Game-based Remedial Instruction in Mastery Learning for Upper-primary School Students, *Journal of Educational Technology and Society*, Vol. 16, No. 2, 2013, pp. 271-281.
- [25] J. F. Hair, *Multivariate Data Analysis: A Global Perspective* (7<sup>th</sup> ed), Upper Saddle River: Prentice Hall, 2009.